TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HS-ST
Ngày 31/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Bích Phượng

Bà Trần Thị Thu Hương

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Hoàng Tùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2020/HSST, ngày 25/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn C;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 31 tháng 01 năm 1982, tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn A, thị trấn P, huyện B, tỉnh L; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Lê Văn D, sinh năm 1957; Con bà: Phạm Thị V, sinh năm 1961, đều trú tại thôn An Thành, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ 02; Vợ: Bùi Thị C, sinh năm 1984, trú tại thôn A, thị trấn P, huyện B, tỉnh L. Con: Bị cáo có 01 con, sinh năm 2010.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 03/11/2020, hiện bị cáo tại ngoại tại thôn An Thành, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Bị hại: Anh Trần Văn T, sinh năm 1984 và chị Phạm Thị T, sinh năm 1986, cùng cư trú: Thôn Đ, thị trấn P, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Văn T là chị Phạm Thị T- Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Ông Phạm Văn V- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 16/10/2020, Lê Văn C đi cắt cỏ và đến nhà vợ chồng chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T, đều trú tại thôn Đ, thị trấn P, huyện B, tỉnh L để xin nước uống. Cường vào đến sân nhà vợ chồng chị Hải gọi vài câu nhưng không thấy ai trả lời. Quan sát không có ai ở nhà, cửa nhà đóng nên Cường nảy sinh ý định đột nhập vào trong nhà để trộm cắp tài sản. Cường đi bộ vòng ra phía sau bếp, trèo qua đường ống khói chui vào nhà và đi lên phòng khách hút thuốc lào, thấy cửa phòng ngủ khóa nên Cường trèo đứng lên tay nắm cửa, bám tay vào thành tường phía trên trèo qua khoảng hở với mái nhà để trèo vào trong phòng ngủ. Cường lục mở 01 hòm tôn để ở cuối giường ngủ nhưng không thấy có tài sản gì có giá trị. Cường tiếp tục mở 02 cánh tủ quần áo không khóa (loại tủ 03 cánh) chỉ thấy bên trong tủ treo nhiều quần áo, còn 01 cánh cửa tủ bị khóa, Cường dùng tay kéo mạnh làm bung bật chốt khóa. Cường lục tìm thấy 01 tập tiền mệnh giá 500.000 đồng, gồm 26 tờ tiền, tổng số là 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*). Sau đó Cường trèo theo lối cũ ra ngoài, đi về nhà cất giấu 12.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng Cường đi trả nợ cho ông Phạm Văn Vạn 900.000 đồng. Đến ngày 17/10/2020, Cường đến Công an huyện Bảo Thắng đầu thú và giao nộp số tiền 12.100.000 đồng còn lại cho Cơ quan điều tra.

Tại kết luận giám định số 46/GĐTL ngày 27/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận: 26 (Hai sáu) tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam trong đó có 24 (Hai bốn) tờ tiền mệnh giá 500.000đ (ký hiệu A1) và 02 (Hai) tờ tiền mệnh giá 50.000đ (ký hiệu A2) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai thu giữ gửi đến giám định là tiền thật do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 23/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố bị cáo Lê Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn C khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận tại phiên tòa. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát

nhân dân huyện Bảo Thắng đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Văn C nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, cơ quan truy tố điều tra viên; kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

1.2. Về sự vắng mặt của bị hại: Trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản và được bồi thường thiệt hại nên không có đề nghị gì. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về xác định tội phạm và áp dụng pháp luật: Ngày 16/10/2020, Lợi dụng gia đình chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T không có người ở nhà, Lê Văn C đột nhập vào nhà chị Hải bằng đường ống khói trộm cắp được 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*) ở tủ quần áo trong phòng ngủ của gia đình. Sau khi trộm cắp được số tiền trên, bị cáo đã trả nợ 900.000 đồng cho ông Phạm Văn Vạn. Đến ngày 17/10/2020, bị cáo đến Công an huyện Bảo Thắng đầu thú và giao nộp số tiền 12.100.000 đồng còn lại cho Cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận định giá, lời khai của bị hại cũng như các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn C đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[2.2]. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, hiểu biết pháp luật. Mặc dù biết rõ

việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng muốn có tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng). Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật, có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng thiệt hại không lớn, sau đó bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tài sản mà bị cáo làm hư hỏng của bị hại trong trong quá trình trộm cắp, bản thân chưa có tiền án, tiền sự; Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hơn nữa bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, do đó nên xem xét cho bị cáo một cơ hội sửa chữa sai phạm. Xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội là phù hợp với quy định tại Khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Văn C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngày 17/10/2020 bị cáo đã đến Công an huyện Bảo Thắng để đầu thú và giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 12.100.000đ đã trộm cắp được; Bị hại chị Phạm Thị T có đơn giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và là những tình tiết được áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính, bị cáo Lê Văn C còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng giá trị vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi và trả lại tài sản là 13.000.000 đồng cho người bị hại. Ngoài ra, bị hại còn yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại đối với 01 tủ quần áo mà bị cáo làm hư hỏng trong quá trình trộm cắp tài sản. Đến nay, bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và được bồi thường thiệt hại, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[2.6] Về các vấn đề khác: Đối với ông Phạm Văn Vạn được bị cáo trả nợ số tiền 900.000 đồng từ tiền bị cáo trộm cắp của gia đình chị Phạm Thị T. Quá trình điều tra ông Vạn không biết số tiền bị cáo trả nợ là do trộm cắp mà có, ông Vạn đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra để giải quyết theo quy định. Xét thấy ông Vạn không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải trả cho ông số tiền 900.000 đồng nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là xét thấy là phù hợp.

Đối với 01 chiếc xe máy Cúp 50 mầu sơn xanh, biển kiểm soát 24A-166 là tài sản của ông Lê Văn Dừa, việc bị cáo mượn xe máy của ông Lê Văn Dừa để đi cắt cỏ và trộm cắp tài sản nhưng ông Dừa không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe máy để để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không thu giữ và không đề cập xử lý chiếc xe máy xét thấy là phù hợp.

[2.7] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; Đề nghị phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là những tình tiết cần được áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra bị cáo không có tài sản riêng giá trị nên việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo xét thấy là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Về các vấn đề khác có liên quan trong vụ án xét thấy là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận để xem xét theo quy định.

[2.8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm cùng với chính quyền địa phương giám sát bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Nếu bị cáo vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ Luật hình sự, cụ thể như sau: "Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án buộc bị cáo Lê Văn C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng;
- Công an huyện Bảo Thắng;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp; Bị cáo;
- UBND thị trấn Phố Lu;
- Thi hành án (3);
-Lưu HS,TA,THS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bích Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bích Thủy